

Bản án số: 199/2021/DS-ST

Ngày: 08-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn;
2. Bà Trần Thị LThanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-DS ngày 20/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST - DS ngày 18/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở: Đường K, Phường N, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Trúc M, GUQ số 1069/UQ-QLN.20 ngày 30/9/2020.

2. Bị đơn: Bà Du Dĩ L, sinh năm 1986

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Thường trú: Đường P, Phường Y, Quận U, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Diễm T

Thường trú: Đường D, Phường Y, quận Q, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là A) cho bà Du Dĩ L vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án vay tiêu dùng tín chấp ngày 26/11/2013. Ngân hàng cho bà L vay thông qua việc cấp thẻ tín dụng (số thẻ tín dụng: 4791382600034968) với hạn mức thẻ: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, ngày cấp:

05/7/2012, hiệu lực thẻ: tháng 7/2015; lãi suất bao gồm lãi suất trong hạn, quá hạn và phí: theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

A giải ngân khoản vay trên qua thẻ tín dụng và được bà L xác nhận đã nhận thẻ ngày 09/7/2012. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà L đã không thanh toán đầy đủ cho A. Do đó, ngày 24/12/2018, A đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng của bà L qua nợ quá hạn.

- Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.371.28.1113 ngày 28/11/2013, số tiền vay: 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu; lãi suất vay: 7,86%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của A và được thông báo cho bên vay. Trường hợp lãi suất trong hạn sau khi đã điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do A quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn. Trong trường hợp bà Du Dĩ L không trả được nợ, bà Bùi Thị Diễm T có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số nợ còn thiếu của hợp đồng này cho A.

Ngày 28/11/2013 A đã chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản gửi thanh toán số 114384369 của bà Du Dĩ L tại A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Du Dĩ L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 31/12/2019, A ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.371.28.1113.

Tại phiên tòa hôm nay, A khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà Du Dĩ L trả cho A số tiền 57.365.471 đồng còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.371.28.1113 ngày 28/11/2013:

- + Gốc: 13.912.000 đồng
- + Lãi trong hạn: 3.431.426 đồng
- + Lãi quá hạn: 6.249.825 đồng

- Thẻ tín dụng số 4791382600034968:

- + Gốc: 17.646.597 đồng
- + Lãi quá hạn: 16.125.623 đồng

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Du Dĩ L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Diễm T nhưng bị đơn, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Du Dĩ L phải trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và giấy xác nhận đã nhận thẻ/pin xác định bà Du Dĩ L có vay của A và đã nhận đủ tiền.

- Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.371.28.1113 ngày 28/11/2013: Bà L vay 45.000.000 đồng. Bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 31.088.000 đồng. Sau đó, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết do đó có cơ sở xác định bà L còn nợ ngân hàng số tiền gốc của hợp đồng là 13.912.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì bà Bùi Thị Diễm T phải liên đới thanh toán cho A.

Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào nội dung của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.371.28.1113 ngày 28/11/2013 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp ngày 26/11/2013 có nội dung bên bảo đảm có trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng. Do đó khi bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã ký.

- Thẻ tín dụng số 4791382600034968: Bà L vay 20.000.000 đồng. Bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 2.353.403 đồng. Từ tháng 12/2019, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết do đó có cơ sở xác định bà L còn nợ ngân hàng số tiền gốc của hợp đồng là 17.646.597 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên A là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Du Dĩ L phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.371.28.1113 ngày 28/11/2013: 23.593.251 đồng. Trong đó, nợ gốc 13.912.000 đồng; lãi trong hạn: 3.431.426 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 08/6/2021: 6.249.825 đồng.

- Thẻ tín dụng số 4791382600034968 cấp ngày 05/7/2012: 33.772.220 đồng. Trong đó, nợ gốc 17.646.597 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 08/6/2021: 16.125.623 đồng

[3] Về án phí: Bị đơn bà Du Dĩ L phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 463; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Du Dĩ L trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng là 57.365.471 (năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.371.28.1113 ngày 28/11/2013: 23.593.251 (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn hai trăm năm mươi một) đồng. Trong đó, nợ gốc 13.912.000 đồng; lãi trong hạn: 3.431.426 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 08/6/2021: 6.249.825 đồng.

Trong trường hợp bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Bùi Thị Diễm T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã ký.

- Thẻ tín dụng số 4791382600034968 cấp ngày 05/7/2012: 33.772.220 (ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm hai mươi) đồng. Trong đó, nợ gốc 17.646.597 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 08/6/2021: 16.125.623 đồng.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Bà Du Dĩ L phải chịu án phí sơ thẩm là 2.868.274 (hai triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.233.660 (một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0049674 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh